TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-06-2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Đình Thi.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Quang và bà Bùi Thị Hạnh.
- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2026 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Huế, sinh ngày 06/09/1989; số căn cước: 030189001764; địa chỉ: Thôn Trung, xã Yết Kiêu, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Tiền, sinh ngày 23/09/1990; số căn cước: 030090010233; địa chỉ: Thôn Trung, xã Yết Kiêu, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn (chị Phùng Thị Huế) trình bày: Chị và anh Phạm Văn Tiền được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 15/03/2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là xã Yết Kiêu, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh Tiền chơi bời, không chịu làm ăn, không chung thuỷ trong quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến gia đình, một mình chị phải lo kinh tế gia đình, lo cho con học hành. Mặc dù, vợ chồng sống cùng một nhà nhưng không ăn chung, không ngủ chung với nhau từ tháng 10 năm 2025 đến nay, tình cảm lạnh nhạt với nhau, không chia sẻ hay quan tâm tới nhau về bất kỳ vấn đề gì, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Chị xác định sau khi làm việc với Tòa án, anh Tiền thách thức, đe dọa chị; nếu muốn ly hôn thì phải để lại con chung cho anh Tiền nuôi. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không

có hạnh phúc, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tiền để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Nam Thiên Minh, sinh ngày 16/07/2015, hiện đang ở cùng anh chị. Từ khi sinh con ra đến nay, anh Tiền không quan tâm, chăm sóc hay có trách nhiệm với con, không hỏi han, đưa đón con; chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Nay cháu Minh cũng đã tự đi học được, tự lo được mọi việc cá nhân nên tối đi làm về chị chăm sóc, dạy con học. Cháu Minh có nguyện vọng được ở với chị nên chị đề nghị Toà án tiếp tục giao con cho chị được trực tiếp nuôi con và chị tự nguyện không yêu cầu anh Tiền phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH LNF Việt Nam có mức thu nhập bình quân hàng tháng là 12 triệu đồng/tháng, với mức thu nhập này chị đảm bảo lo được cuộc sống của mẹ con chị đầy đủ. Về chỗ ở: Ngôi nhà chị đang ở là tài sản chung vợ chồng, anh Tiền đã từng đuổi chị đi nhưng chị không đi, ngôi nhà này có hai tầng và 04 phòng ngủ, vệ sinh khép kín nên sau khi ly hôn, chị và con chị vẫn ở đây, chị và anh Tiền sẽ tự sắp xếp phòng ở đây nên việc ly hôn, giao con chung cho chị nuôi cũng không ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của con chị.

Về tài sản chung: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Phạm Văn Tiền) trình bày: Anh và chị Phùng Thị Huế kết hôn với nhau vào ngày 15/03/2011 tại UBND xã Thống Nhất, huyên Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là xã Yết Kiêu, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống hạnh phúc với nhau, trong cuộc sống đôi khi vợ chồng có lời qua tiếng lại do mâu thuẫn từ lời ăn tiếng nói, ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay chị Huế có xin ly hôn với anh, anh không nhất trí. Nếu chị Huế kiên quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án tự giải quyết cho chị Huế, anh cũng chưa bao giờ đánh đập chị Huế.

Về con chung: Anh và chị Huế có một con chung là Phạm Nam Thiên Minh, sinh ngày 16/07/2015, hiện đang ở cùng với vợ chồng anh. Nếu chị Huế kiên quyết ly hôn, anh đề nghị Toà án giao con cho anh được trực tiếp nuôi con, anh tự nguyện không yêu cầu chị Huế phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị Huế đồng ý để anh nuôi con thì anh sẽ đồng ý ly hôn. Hiện tại anh làm sơn tự do, mức thu nhập bình quân hàng tháng của anh là 15-20 triệu đồng/tháng. Nhà đất là của riêng vợ chồng, từ khi vợ chồng lấy nhau về đến nay vợ chồng anh đều sống riêng, nếu ly hôn thì anh và con anh sẽ ở trên nhà đất của vợ chồng nên cuộc sống sẽ ổn định. Bố mẹ anh sống ở xa vợ chồng anh, cháu Minh đã lớn, tự lo được việc sinh hoạt cá nhân, đi học. Anh đi làm tự do, sáng đi tối về, anh và con anh tự chăm sóc được cho nhau. Do anh làm công việc tự do nên không cung cấp được bảng lương, mức thu nhập hàng tháng của anh cho Tòa án.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo địa phương cung cấp: Anh Phạm Văn Tiền và chị Phùng Thị Huế kết hôn với nhau vào năm 2011, sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại thôn Trung, xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương nay là thôn Trung, xã Yết Kiêu, thành phố Hải Phòng. Anh chị sống riêng không ở cùng bố mẹ, anh

chị sống hòa đồng, không xảy ra mâu thuẫn với ai; vợ chồng anh chị có bất đồng quan điểm sống, chị Huế xác định anh Tiền không đóng góp tiền lo kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con, có quan hệ nam nữ bên ngoài không chung thủy nên chị Huế không bỏ qua cho anh Tiền. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh Tiền và chị Huế có một con chung là Phạm Nam Thiên Minh, sinh ngày 16/07/2015, hiện đang ở với cùng với anh Tiền, chị Huế, đề nghị Toà án xem xét nguyện vọng của cháu Minh để giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện tại anh Tiền, chị Huế vẫn sống cùng nhau, anh Tiền làm nghề tự do làm sơn, ngày đi làm, ngày nghỉ ở nhà; chị Huế đi làm công ty sáng đi tối về.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phùng Thị Huế ly hôn anh Phạm Văn Tiền. Về con chung: Giao con chung là Phạm Nam Thiên Minh, sinh ngày 16/7/2015 cho chị Huế nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Huế không yêu cầu anh Tiền phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị Phùng Thị Huế phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Phùng Thị Huế khởi kiện ly hôn bị đơn anh Phạm Văn Tiền, trú tại thôn Trung, xã Yết Kiêu, thành phố Hải Phòng, Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đề nghị được vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huế và anh Tiền có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thống Nhất, huyên Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là xã Yết Kiêu, thành phố Hải Phòng) vào ngày 15/3/2011 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Huế xác định vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh Tiền chơi bời, không chịu làm ăn, không chung thuỷ trong quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến gia đình, một mình chị phải lo kinh tế gia đình, lo cho con học hành. Mặc dù, vợ chồng sống cùng một nhà nhưng không ăn chung, không ngủ chung với nhau từ tháng 10 năm 2025 đến nay, tình cảm lạnh nhạt với nhau, không chia sẻ hay quan tâm tới nhau về bất kỳ vấn đề gì, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tiền. Anh Tiền xác định trong cuộc sống đôi khi vợ chồng có lời qua tiếng lại do mâu thuẫn từ lời ăn tiếng nói, ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì; chị Huế có xin ly hôn với anh, anh không nhất trí; anh cũng chưa bao giờ đánh đập chị Huế nếu chị Huế kiên quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án tự giải quyết cho chị Huế; nếu chị Huế đồng ý để anh nuôi con thì anh sẽ đồng ý ly hôn; anh Tiền cũng xác định từ khi vợ chồng lấy nhau về đến nay vợ chồng anh đều sống riêng. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh Tiền đến làm việc, đến hoà giải nhưng anh đều vắng mặt; chứng tỏ anh Tiền không coi trọng việc hoà giải để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc, anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị để cho anh được nuôi con, mặc dù sống cùng nhà nhưng anh chị sống riêng, ly thân, không quan tâm đến nhau, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không có tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Huế, cho chị được ly hôn anh Tiền là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Huế và anh Tiền có một con chung là Phạm Nam Thiên Minh, sinh ngày 16/07/2015 đang ở cùng với anh chị. Cả hai anh chị đều xác định có mức thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi con, đều đề nghị được nuôi con và không có yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con. Anh Tiền xác định anh làm nghề sơn có thu nhập bình quân từ 15-20 triệu đồng/tháng nhưng anh không cung cấp được căn cứ xác định thu nhập của anh; chị Huế làm công nhân tại Công ty TNHH LNF Việt Nam có mức thu nhập bình quân (tính 03 tháng đến tháng 4 năm 2026) = (12.079.000 + 12.336.000 + 9.503.000)/3 = 11.306.000 đồng/tháng. Từ khi sinh ra đến nay, cháu đều được chị Huế chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ học hành, cháu đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với mẹ nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con anh chị, HĐXX cần tiếp tục giao cho chị Huế nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, Toà án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con của anh chị nhưng chị tự nguyện không yêu cầu anh phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, HĐXX xét thấy chị vẫn đang nuôi

con, việc chị không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên không cần buộc anh Tiền phải cấp dưỡng cho con là phù hợp với khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh chị đều không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án; khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phùng Thị Huế ly hôn anh Phạm Văn Tiền.

2. Về nuôi con: Giao con là Phạm Nam Thiên Minh, sinh ngày 16/07/2015 cho chị Phùng Thị Huế trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Huế tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Văn Tiền phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn Tiền có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị Huế phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E số: 0004087 ngày 10 tháng 04 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; chị Phùng Thị Huế đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (thông qua Phòng THADS khu vực 11);
- UBND xã Yết Kiêu, TP Hải Phòng (nơi đăng ký kết hôn)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Đình Thi